

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHÌN TỪ GÓC ĐỘ “NHÀ NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN”: HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ SỨC SỐNG CỦA CÁC NÔNG HỘ

NGUYỄN QUANG VINH

TÓM TẮT

Bước vào một thời kỳ phát triển mới của Đồng bằng sông Cửu Long sau lịch sử thăng trầm 300 năm, hiệu quả quản trị của nhà nước các cấp ngày nay sẽ tìm được một lực đẩy độc đáo từ chiều sâu lịch sử nếu thực sự phát hiện và vận dụng một cách khôn ngoan những giá trị và kinh nghiệm lịch sử đã trầm tích qua thảng năm lịch sử dữ dội của vùng. Tác giả gợi ý về 4 khu vực trầm tích cần đặc biệt lưu ý. Tác giả cũng đề xuất về một sự chuyển mình của nhà nước trong vùng để trở thành những thực thể quản lý phát triển. Trong tiến trình này, việc hóa giải các mâu thuẫn và nghịch lý tồn tại trong Đồng bằng sông Cửu Long là một chủ đề bức bách đang thách thức việc vận dụng hiệu quả tư duy phát triển trong thực tiễn quản lý nhà nước.

Nguyễn Quang Vinh. Nghiên cứu viên cao cấp Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ.

Bài viết dựa trên cơ sở một chuyên đề về định chế Nhà nước trong sự phát triển Nam Bộ, đặc biệt là miền Tây Nam Bộ do Nguyễn Quang Vinh thực hiện, đặt trong khuôn khổ đề tài cấp Bộ: “Một số đặc trưng về định chế xã hội và con người ở Nam Bộ trong tiến trình phát triển bền vững giai đoạn 2011-2020” do Trần Hữu Quang làm chủ nhiệm. Đề tài thuộc Chương trình cấp Bộ “Nghiên cứu Nam Bộ 2011-2012” (Chủ nhiệm Chương trình Bùi Thế Cường). Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ chủ trì, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam tài trợ.

1. Thảm thoát mà đã hơn 300 năm, từ ngày những nhát cuốc, đường cày đầu tiên của lưu dân Việt chạm vào vùng đất mới phía Nam của Tổ quốc, đổ mồ hôi mà gây dựng nên những thôn ấp tự trị, tự do. Một cái chớp mắt của lịch sử! Trong cái chớp mắt ấy chứa đựng biết bao thành tựu và hy sinh. Chỉ nói riêng về hoạt động của các định chế nhà nước trong vùng, đã thấy sự thay thế lẫn nhau của vô số cách tiếp cận vô cùng khác nhau về con đường quản trị và cai trị, xuất phát từ những đặc điểm của hình thái kinh tế-xã hội mà định chế nhà nước hoạt động vẫy vùng trong đó. Chỉ trong ba thế kỷ, vùng đồng bằng vừa được khai phá từ rừng già hoang rậm này đã trải qua chế độ phong kiến tập quyền từ xa áp đặt tới (sau hàng thế kỷ đã cố ý duy trì mô thức “*dân đến trước, nhà nước theo sau*”⁽¹⁾); rồi tiếp theo là chế độ thuộc địa trực trị của Pháp với tham vọng khai thác không nương tay; rồi “chế độ cộng hòa” nép dưới bóng chủ nghĩa thực dân kiểu mới Mỹ gửi nửa triệu quân can thiệp trực tiếp trên thực địa bằng chiến tranh nóng chống lại lực lượng cách mạng; và sau hết là chế độ cộng hòa xã hội chủ nghĩa trong một nước Việt Nam độc lập và thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản ngày nay. Đan xen nhau là những xáo trộn và biến đổi dữ dội do những lực - nhiều khi chống chọi nhau - tác động vào: đầu tư để

khai thác, vỡ vét; chà xát và bình định ác liệt để chờ thời cơ phát triển mà dường như chưa bao giờ đến. Trước những *đề bài* hóc búa mà lịch sử đặt ra, các nhà nước nối tiếp nhau trong vùng đã tìm cách xử lý, với thành công và thất bại đan xen, kể cả với những sai lầm chưa kịp sửa chữa thì lịch sử đã giờ sang trang mới... Và giờ đây, với nhà nước của nhân dân, Đồng bằng sông Cửu Long tiến vào công nghiệp hóa với một nền kinh tế tiểu nông chưa hoàn toàn thoát xác để đi tới hiện đại hóa. Vùng châu thổ này chấp nhận đương đầu với những thách thức chưa từng trải nghiệm trước nay; cho nên chẳng lấy gì làm lạ khi nhìn thấy trong cuộc sống bây giờ có cả liều lĩnh thử-sai xen lẫn với chủ động sáng tạo.

Trừu xuất đi tất cả những sự kiện trùng điệp của lịch sử, người ta vẫn có thể *nhận ra* những bước tiến hóa đáng kể của con người và các định chế xã hội trên vùng đất Đồng bằng sông Cửu Long, dĩ nhiên là đã phải xuyên qua rất nhiều nhọc nhằn và mâu thuẫn. Nhận ra, để tìm cách tiếp sức cho những yếu tố tích cực đã *trầm tích* lại trong quá trình lịch sử, thể hiện trên những lực lượng sản xuất đã thành đạt được; những kiểu quan hệ con người trong sản xuất đã được thử thách và sàng lọc; những cơ cấu năng lực và phẩm hạnh của con người trong vùng đã được tích hợp; và những kinh nghiệm đáng giá rút ra cho cung cách quản trị của định chế nhà nước đối với vùng đất đặc thù này, nhất là với cái làng xã thoáng mở, dễ dàng giao lưu với thị trường gần xa.

Để đánh giá đúng những giá trị được trầm tích ấy đòi hỏi cả một công trình nghiên cứu khoa học tổng hợp và nghiêm túc.

Song ở đây, chúng tôi chỉ xin *gợi ra* một vài đặc điểm đầu tiên mà chúng tôi ghi nhận qua trải nghiệm nghiên cứu cá nhân, qua ý kiến còn tản mạn đây đó của các học giả. Xin được nói rất vắn gọn như sau: Dường như ít nhất đã có *bốn vùng trầm tích cần được khai mở và phát huy* trong đời sống miền Tây Nam Bộ trong những năm tháng sắp tới. Đây được coi là *những tiền đề tốt* mà định chế nhà nước trong thời kỳ phát triển mới trong độc lập, tự do có thể vận dụng một cách khôn ngoan, để tiến vào một vận hội phát triển mới, sâu và rộng chưa từng có.

1) Về *lực lượng sản xuất và kinh nghiệm nhà nước đầu tư hiệu quả cho lực lượng sản xuất*. Sau 300 năm khai phá và bồi đắp, Nam Bộ nói chung và Tây Nam Bộ nói riêng đã tích lũy được một khối lượng lớn ruộng đất thuần thực, thích hợp cho cây lúa, cây công nghiệp và cây ăn trái. Hệ thống đô thị, đường sá, kênh đào, cảng biển... đang tiếp sức cho con người phát huy sức mạnh ruộng đất. Điều đọng lại không kém phần quan trọng so với khía cạnh vật thể vừa nói, là những *kinh nghiệm* thiết thực cho việc đẩy nhanh phát triển cơ sở hạ tầng và một số công nghệ trồng trọt thích hợp để - chỉ trong một thời gian ngắn - có thể tạo ra những bùng nổ về lực lượng sản xuất, năng suất và sản lượng, đã được chứng thực trong quá khứ. Tây Nam Bộ đã từng thực hiện được những đợt đột phá phát triển nhanh, rộng khắp lực lượng sản xuất với một tốc độ rất hiếm thấy ở các vùng khác trong nước. Chẳng hạn như, triều đình nhà Nguyễn nối tiếp giai đoạn khẩn hoang tự phát của lưu dân, tổ chức tiếp những hiệp khai phá

ruộng đất với tốc độ nhanh, lập hệ thống đồn điền, gắn với ổn định cơ cấu làng xã đặc thù trong vùng. Chẳng hạn như, chính quyền thực dân Pháp đầu tư rất lớn cho cơ sở hạ tầng để khai thác nhanh và hiệu quả những giống cây chọn lọc nhằm bắt đầu xuất khẩu gạo và cao su chỉ sau một thời gian khá ngắn. Chẳng hạn như, chính quyền Sài Gòn vào cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970 du nhập và phát triển giống lúa Thần Nông năng suất cao và những máy cơ khí nông nghiệp gọn nhẹ, vừa kịp cho những hộ trung nông và những hộ dịch vụ nông nghiệp phát triển mạnh mẽ ngay sau đó, giúp nâng nhanh sản lượng lúa và nhất là - một cách khách quan - để lại một dạng năng lực sản xuất mạnh ở quy mô nông hộ và dịch vụ liên-nông hộ, khá phù hợp với việc sản xuất lúa gạo hàng hóa. Dù cho những sự kiện ấy xuất hiện từ những động cơ cai trị phức tạp, song các kinh nghiệm khách quan nảy sinh từ trong những tiến trình ấy, có lý gì mà ta không khai thác?

2) Về *quan hệ sản xuất*. Với những bước đi quanh co, phức tạp, miền Tây Nam Bộ cuối cùng đã xóa bỏ được nạn bóc lột của giai cấp địa chủ, đem lại ruộng đất cho người cày – mà động lực xuyên suốt phải ghi công cho chính sách ruộng đất nhất quán của chính quyền cách mạng từ sau năm 1945. Các chính sách ruộng đất này của chính quyền nhân dân đã triển khai trong bối cảnh chiến tranh; ruộng đất của dân ở nhiều khu vực của vùng giải phóng đã phải chịu cảnh giành đi giật lại nhiều lần với các thế lực của thực dân Pháp quay đầu lại, hoặc với chính quyền Ngô Đình Diệm nhiều năm sau đó. Ta sẽ thấy, các đời của chính quyền Sài Gòn, trong khi

thực hiện các chính sách ruộng đất khác nhau của mình, hoặc đã thu hồi một số ruộng đất cách mạng đã tạm cấp cho nông dân để trả lại cho địa chủ (thời Ngô Đình Diệm làm tổng thống), hoặc hợp thức hóa việc giao đất của cách mạng trong quá khứ bằng những bằng khoán của chính quyền Sài Gòn trong khuôn khổ thực hiện chính sách ruộng đất thời Nguyễn Văn Thiệu làm tổng thống.

Những hộ nông dân, mà nòng cốt là những hộ trung nông ở Tây Nam Bộ, một khi có được mảnh ruộng của riêng mình, lại thoát khỏi quan hệ bóc lột của địa chủ, đã nhanh chóng tỏ ra là những đơn vị sản xuất có hiệu năng đáng kể.

Đáng tiếc rằng, một bước sẩy chân về chính sách điều chỉnh ruộng đất và tập thể hóa gò ép, thiếu hiệu quả⁽²⁾ đã diễn ra tại đây khoảng mười năm ngay sau 1975, suýt nữa làm thui chột động lực sản xuất hàng hóa của người nông dân trong vùng và đe dọa phá hỏng cái đơn vị nông hộ được tự tổ chức mạch lạc để hướng tới một nền nông nghiệp hàng hóa thực thụ⁽³⁾. Thế mới biết, có tiền đề lịch sử tốt là một chuyện; còn có phát huy được những tiền đề tốt đó cho tương lai hay không, thì đôi khi lại là một câu chuyện khác.

Thế nhưng, khi cả nhà nước và người nông dân trong các nông hộ đều nhận ra cần phải bắt tay xây dựng những quan hệ sản xuất phù hợp hơn cho một xã hội nông thôn đã mạnh nha có sự phân công lao động theo hướng sản xuất hàng hóa, thì rất nhanh chóng, Tây Nam Bộ từ chỗ đang thiếu gạo để cung cấp cho cái ăn của cả vùng, đã sớm tìm lại được một thời hoàng kim xuất khẩu lúa gạo trước đây của mình, tiến vượt lên trở thành vựa lúa

cho Việt Nam xuất khẩu gạo, đứng thứ nhì thế giới.

Giờ thì cái nông hộ có hiệu năng đóng góp tốt cho thị trường đó của Đồng bằng sông Cửu Long đang đi tìm cho mình những mối liên kết đa dạng và linh hoạt hơn với các nông hộ khác, với doanh nghiệp, với các lực lượng khoa học, kỹ thuật, với nhà nước các cấp để sản xuất và tiêu thụ tốt hơn, tìm kiếm một mức sống cao hơn, và góp phần đi dần tới sự giải thể nền kinh tế tiểu nông một cách êm thấm.

3) *Làng xã thoáng mở và có truyền thống giao tiếp mạnh với thế giới bên ngoài* là một “đặc sản” lịch sử của Tây Nam Bộ, vùng đất trẻ trung nhất của cả nước. Hiện thực này đòi hỏi định chế nhà nước phải ứng xử với nó theo tinh thần đối thoại, cộng tác và tạo dễ dàng. Kinh nghiệm lịch sử đã cho thấy, bất cứ khi nào định chế nhà nước toan tính chế áp nó, nhào nặn nó một cách phi tự nhiên (như kiểu “áp chiến lược” của một thời), hoặc gò ép nó trong những kiểu tổ chức sản xuất đe dọa làm hỏng cái tổ chức nông hộ linh hoạt trong lòng nó, thì nhà nước sẽ nhận được những phản ứng đáp trả theo nhiều cách, đôi khi không kém phần quyết liệt, nhằm sớm tìm lại trật tự tự nhiên, ít nhất cũng là cho kiểu “làng xã tiểu nông mà biết cách sản xuất nông phẩm hàng hóa”.

Đối với miền Tây Nam Bộ, đã từ lâu, khi xử lý các quan hệ kinh tế của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức sản xuất trong làng xã, người ta *không thể khép kín không gian xử lý* chỉ trong tiểu vũ trụ làng xã mà thôi. Truyền thống độc đáo và đáng quý này hiện đang tiếp tục đòi hỏi định chế nhà nước phải tìm đến một tiếp cận rộng mở hơn, đa chiều hơn, với bán kính quan hệ

dài rộng hơn khi điều hành làng xã miền Tây vốn ngày càng đan dày các quan hệ thị trường và quan hệ với các trung tâm đô thị. Nhân đây, cũng xin có một ghi chú nhỏ, rằng trong một tư duy không chú ý đến các đặc thù vùng miền, một vài bộ, ngành của chúng ta rất có thể đã và sẽ sản xuất ra những chương trình và tiêu chí mang tính đồng loạt cho cả nước, khiến cho các làng xã miền Tây sẽ khó xoay trở để thực hiện chúng một cách trọn vẹn.

4) Động lại một vốn quý nữa sau 300 năm lịch sử là *những thế hệ người nông dân biết làm lúa để bán, chứ không phải chủ yếu để ăn*. Với tinh thần cởi mở và phiêu lưu hơn một số vùng đất khác, con người ở đây có độ sẵn sàng khá cao trong việc tiếp nhận những cái mới về khoa học, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thông qua nhiều kênh (hiện đại và dân gian) khác nhau. Họ có mối quan hệ qua lại khá năng động với các trung tâm đô thị và thành phố Sài Gòn⁽⁴⁾. Họ tìm thấy nơi đô thị những yếu tố để mở rộng giao lưu xã hội, cải thiện sinh kế hoặc là những cái van xả an toàn cho những trắc trở mưu sinh của mình (như sử dụng giải pháp di dân để đáp ứng các nhu cầu hôn nhân, kinh tế...)⁽⁵⁾. Những thập niên gần đây, tinh thần phiêu lưu và sáng tạo đã thể hiện sinh động trong việc tiếp tục khai phá thành công vùng Đồng Tháp Mười, tạo ra từng huyện nông nghiệp mới trên đất chua phèn mà các chuyên gia nước ngoài vốn ngán ngại, từng khuyên chớ có đụng vào. Với chính sách “tạo dễ dàng” của nhà nước, bà con nông dân miền Tây thậm chí còn tạo ra những mô thức khai phá có vẻ trái quy luật thông thường, nhưng lại hợp với đất Đồng Tháp Mười cực kỳ khắc nghiệt,

như kiểu “*Lạc nghiệp rồi mới an cư*” (Nguyễn Quới, Phan Văn Dốp, 1999, tr. 306-318). Cùng với sự tiếp nối của các thế hệ - với thế hệ sau có dấu hiệu tiến bộ hơn về học vấn và sự đa dạng hơn về cơ cấu năng lực so với thế hệ trước (Nguyễn Quang Vinh, 2009, tr. 141-144; 147-149) - có thể kỳ vọng rằng phong thái của người sản xuất hàng hóa trong nông thôn (sản xuất nông nghiệp, phi nông nghiệp và dịch vụ) sẽ được hoàn thiện hơn và xóa bỏ dần không ít khuyết tật còn tồn tại. Trong tiến trình này, vai trò tạo dễ dàng, giám sát và quản lý bằng pháp luật của *nhà nước* đối với những mối liên kết của nông hộ với các bên tham dự khác (*stakeholders*) trong sản xuất, kinh doanh theo hợp đồng, sẽ là một nhân tố cực kỳ quan trọng, để phẩm chất quý báu này của con người miền Tây Nam Bộ được nở rộ an toàn trong môi trường công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

2. Từ ngày đất nước thống nhất cho đến hôm nay (2012), gần 40 năm đã trôi qua. Với đồng Bằng sông Cửu Long, đây là những thập niên bộc lộ sức vươn dậy mạnh mẽ của mình, vì sự phát triển của vùng và vì sự phồn vinh của cả nước, trong đó phải kể đến sức tác động đáng kể của hoạt động điều hành nhà nước các cấp. Theo số liệu 2010, với một diện tích tự nhiên 4 triệu ha, chỉ chiếm 12,26% diện tích cả nước, một dân số trên 17 triệu người, chiếm 20% dân số cả nước, nhưng vùng đất tương đối nhỏ bé này đã cống hiến 90% kim ngạch xuất khẩu gạo⁽⁶⁾, sản xuất ra 70% sản lượng trái cây và 58% sản lượng thủy sản của cả nước (trong đó cá tra và tôm đã thành ngành kinh tế chiến lược của quốc gia và đóng vai trò chủ lực trong xuất khẩu thủy sản). Tổng giá trị xuất

khẩu hàng năm của vùng đất này là 9,3 tỷ đô-la Mỹ (số liệu 2010).

Thế nhưng, người ta rất dễ bị sa đà vào những con số sản lượng ấn tượng tuôn trào ra từ vùng đất này, để tự vẽ nên cho mình một bức tranh màu hồng, tạo ra cảm giác như mọi việc ở đây đều... tuyệt vời và ổn thỏa cả. Sự thực phức tạp hơn thế nhiều! Và đó cũng là thách thức lớn đang chờ đợi bản lĩnh của định chế nhà nước các cấp, vừa phải một mặt phát huy đà tăng trưởng sản xuất đáng nể của vùng đất này, song mặt khác cũng *phải xử lý hàng loạt mâu thuẫn và nghịch lý* đang tồn tại ngay trong cơ cấu xã hội, mức sống, các định chế xã hội và con người ở vùng đất này. Phải có một cái nhìn *động* và *biện chứng* thì mới thấy được rằng bộ máy sản xuất và xuất khẩu coi bộ mạnh mẽ nhất trong nước này đang *hàm chứa không ít cái nghèo và cái yếu*; rằng cái cơ cấu xã hội nông thôn miền Tây Nam Bộ dù đã bước đầu có sự đa dạng hóa để lia xa dần tính chất thuần nông, song lực lượng để gánh vác nhiệm vụ sản xuất lượng gạo khổng lồ cho đất nước hàng năm thì vẫn cơ bản là hơn 1.800.000 hộ tiểu nông trong tổng số 3.000.000 hộ cư dân nông thôn. Vậy mà mọi người đều biết rằng, nhìn ở tầm xa một chút, nếu muốn nền sản xuất nông nghiệp trong vùng phát triển bền vững trong hiện đại hóa, thì phải biết đến *điểm tới hạn của kinh tế tiểu nông*, để xử lý từ xa những khủng hoảng tiềm tàng của phát triển. Vậy nhà nước phải ứng xử sao đây khi nền kinh tế tiểu nông này muốn tự nó được dần dần giải thể trong an toàn và êm thấm? Những câu hỏi đại loại như thế này cho thấy có lẽ phải cải thiện tầm nhìn xa của định chế nhà nước các cấp, để

những thực thể này không chỉ cấm cúi làm nhiệm vụ quan chức cai trị hành chính, hoặc lo thúc giục tăng trưởng bằng mọi giá, mà phải chuyển mình để nhanh chóng *trở thành những thực thể quản lý phát triển, nhạy bén và thông tuệ trong tư duy về tiến hóa xã hội*. Trong một cuốn sách về phát triển xuất bản trước đây, chúng tôi đã có dịp bày tỏ một nhận thức như sau: “Quản lý sự tăng trưởng kinh tế đã là một thách thức làm điên đầu nhiều nhà chiến lược. Quản lý phát triển còn khó khăn bội phần, vì nó bao hàm chẳng những là sự nâng đỡ cho một loạt nhân tố tạo tăng trưởng bền vững, mà còn phải thiết kế và canh chừng cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội cũng như sự ra đời của một hệ thống các định chế và các quan hệ xã hội văn minh” (Nguyễn Quang Vinh, 2009, tr. 185). Bây giờ ngẫm lại, hình như nhận thức này vẫn còn đúng.

3. Vì chúng ta đang nói đến vai trò và chức năng của định chế nhà nước trong vùng, cho nên chúng ta cần *điểm mặt một cách vắn tắt một số mâu thuẫn và nghịch lý trong phát triển* đang xuất hiện ở nhiều cấp độ mà nhà nước buộc phải đương đầu, không thể né tránh.

1) Mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao về năng lực người sản xuất sản phẩm hàng hóa, và trình độ học vấn bình quân của người dân Đồng bằng sông Cửu Long còn thấp so với cả nước. Mức học vấn trung bình của các chủ hộ được chọn mẫu trên toàn đồng bằng để khảo sát (năm 2008) là lớp 7 (nông thôn là lớp 6, đô thị là lớp 8). Riêng với nông dân, thì nhóm [phân tầng] nông dân lớp trên có học vấn trung bình lớp 7; nông dân lớp giữa và lớp dưới là lớp 6; lao động làm mướn là lớp 4. “Mức học vấn

khá thấp này là thách thức không nhỏ cho quá trình di động xã hội đi lên của các tầng lớp có vị trí thấp trong xã hội” (Bùi Thế Cường, Lê Thanh Sang, 2010, tr. 43-45).

2) Mâu thuẫn giữa một bên là nhu cầu các đô thị trong vùng phải có sức lan tỏa để nâng đỡ trực tiếp cho phát triển nông thôn, và bên kia là thực tế phát triển còn yếu ớt và chậm chạp của hệ thống đô thị (tuy rằng các đô thị được phân bố khá đồng đều trong vùng). Các động lực tạo nên yếu tố “thị” không mạnh. Các thành phố trong vùng còn mang nặng vai trò trung chuyển tới TPHCM (Nguyễn Minh Hòa, 2009, tr. 16-18).

3) Mâu thuẫn giữa một bên là khuyến khích đua tranh di động xã hội và làm giàu chính đáng, và bên kia là tình hình dường như chưa kiểm soát được của phân hóa giàu nghèo gấp 10 lần giữa hai cực của ngũ phân vị về thu nhập. Các đo lường về hệ số Gini và đường cong Lorenz trong vùng (do nhóm các nhà khoa học Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ thực hiện năm 2008) cho thấy “*mức độ bất bình đẳng về thu nhập giữa các hộ trong vùng Tây Nam Bộ là khá cao (...)* nơi nền kinh tế thị trường đã thâm nhập sâu rộng hơn so với nhiều vùng khác của đất nước” (những chữ in nghiêng là do chúng tôi nhấn mạnh - Tác giả bài viết) (Bùi Thế Cường, Lê Thanh Sang, 2010, tr. 45-46). Nhiệm vụ trọng tâm ở đây có lẽ phải là tăng cường hoạt động giảm nghèo, tạo điều kiện cho các hộ nghèo, cận nghèo và/hoặc không có đất có thể tăng hiệu năng của các giải pháp sinh kế, chứ dĩ nhiên không phải là kìm hãm lại sự di động đi lên nhanh của những nhóm tiên phong trong cơ cấu phân tầng.

Bên cạnh một số mâu thuẫn mà định chế nhà nước các cấp phải góp phần xử lý như vừa nói trên, đời sống của Đồng bằng sông Cửu Long vẫn luôn luôn diễn ra *hai nghịch lý lớn, đậm nét* mà bất cứ nhà quan sát nào cũng có thể nhận thấy ở mức độ này hay khác. Những nghịch lý này kéo dài đã mấy thập kỷ nay và là vấn đề của điều hành vĩ mô. Nó đang đe dọa làm suy yếu nhịp tăng trưởng kinh tế ngoạn mục của vùng này và thực tế là kéo dài hơi quá lâu mức sống thấp về nhiều mặt và chậm được cải thiện của số đông nhân dân trong vùng, đặc biệt là của người nông dân.

- *Nghịch lý thứ nhất* là một vùng đất giàu có về các sản phẩm quý cung ứng cho nền kinh tế quốc dân, mà nhân dân ở vùng đó - những người trực tiếp làm ra sản phẩm - thì lại có mức thu nhập không tương xứng; một bộ phận không nhỏ trong nông thôn còn có cuộc sống vật chất và tinh thần nghèo nàn, nhà cửa tạm bợ, thiếu nguồn nước uống sạch và môi trường sống bị ô nhiễm (Bùi Thế Cường, Trần Đan Tâm, Lê Thanh Sang, 2009, tr. 12-17).

- *Nghịch lý thứ hai* là tỷ lệ ngân sách của nhà nước *đầu tư* vào cho vùng này còn ở mức thấp (khoảng 16% ngân sách) và đã lâu không nhích lên được, dù nhu cầu vô cùng bức xúc, trong khi số sản phẩm các loại nhà nước *"lấy ra"* từ vùng này thì rất lớn và không ngừng tăng lên qua các năm⁽⁷⁾. Trạng thái có tính nghịch lý này ở một vùng nông nghiệp trọng điểm - bên cạnh những nguyên nhân khác - có thể còn được coi là một biểu hiện không mấy thích đáng của sự lựa chọn "thiên vị đô thị" (urban bias) trong chiến lược vĩ mô đầu tư

cho công nghiệp hóa hay chẳng? Đây chỉ mới là một gợi ý có tính giả thuyết, xin được sẵn sàng thảo luận thêm.

Dẫu sao thì việc nhà nước tiếp tục xử lý các mâu thuẫn và nghịch lý nói trên đang thực sự là một yêu cầu bức bách của cuộc sống miền Tây Nam Bộ, nhằm giúp cho vùng này phát triển bền vững hơn và giúp cho sức sống của các nông hộ miền Tây tiếp tục tỏa sáng. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Từ dùng của Nguyễn Đình Đầu trong cuốn sách của cùng một tác giả (1992), *Chế độ công điền, công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ Lục tỉnh* (in lần thứ hai có sửa chữa), Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 72.

⁽²⁾ Xem thêm, chẳng hạn, Nguyễn Thu Sa (1990), "*Vấn đề ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long*", in trong cuốn sách Nhiều tác giả (1990), *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 147-151.

⁽³⁾ Đỗ Thái Đồng (1990), "*Quan hệ sản xuất và chính sách giai cấp ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long*", in trong cuốn sách Nhiều tác giả vừa dẫn, tr. 200-210.

⁽⁴⁾ Nguyễn Quang Vinh (1990), "Hoàn thiện cơ cấu năng lực người sản xuất hàng hóa trong nông thôn đồng bằng sông Cửu Long", in trong cuốn Nhiều tác giả (1990) đã dẫn, tr. 218.

⁽⁵⁾ Luong, Hy V., (2009), "*Rural Migration to Hồ Chí Minh City: A Tale of two Regions*", in Luong, Hy V., (2009), *Urbanization, Migration and Poverty in a Vietnamese Metropolis- Hồ Chí Minh City in Comparative Perspectives*, NUS Press, Singapore, p. 82-100.

⁽⁶⁾ Hàng năm, Đồng bằng sông Cửu Long xuất khẩu trên 6 triệu tấn gạo, có giá trị 3 tỷ USD.

⁽⁷⁾ Cũng phải nói rằng trong 10 năm gần đây (2001-2010), nhà nước đã có đầu tư mạnh hơn,

có tính đột phá về cơ sở hạ tầng giao thông và thủy lợi, cầu, cảng, song, rất gần đây, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ vẫn cho rằng hạ tầng ở vùng này “nhìn chung vẫn còn yếu kém”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thế Cường, Lê Thanh Sang. 2010. *Một số vấn đề về cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội ở Tây Nam Bộ: Kết quả từ cuộc khảo sát định lượng năm 2008*. Tạp chí Khoa học Xã hội. Số 3(139)-2010.

2. Bùi Thế Cường, Trần Đan Tâm, Lê Thanh Sang. 2009. *Điều kiện sống, sử dụng thời gian rỗi và cảm nhận của người dân về cuộc sống qua một khảo sát định lượng ở miền*

Tây Nam Bộ. Tạp chí Khoa học Xã hội. Số 8(132)-2009.

3. Nhiều tác giả. 1990. *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

4. Nguyễn Minh Hòa. 2009. *Đô thị Đồng bằng sông Cửu Long: Hiện tại và dự phóng cho tương lai*. Tạp chí Khoa học Xã hội. Số 1(125)-2009.

5. Nguyễn Quang Vinh. 2009. *Đi tìm sức sống các quan hệ xã hội*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

6. Nguyễn Quới, Phan Văn Dốp. 1999. *Đồng Tháp Mười - Nghiên cứu phát triển*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.